



DANH MỤC CÁC LOÀI GỖ ĐÃ NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM

Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày / /2025 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam thường gọi	Ghi chú
1	<i>Abies alba</i> (<i>Abies abies</i> , <i>Abies alpestris</i> , <i>Abies cinerea</i> , <i>Picea remontii</i>)	Gỗ Linh sam	
2	<i>Abies sachalinensis</i> (<i>Abies akatodo</i> , <i>Pinus sachalinensis</i>)	Gỗ Thông	
3	<i>Abies</i> spp.	Gỗ Lãnh sam	
4	<i>Acacia auriculiformis</i> (<i>Acacia moniliformis</i> , <i>Racosperma auriculiforme</i> , <i>Fagus procera</i>)	Gỗ Keo lá trà	
5	<i>Acacia harpophylla</i> (<i>Acacia harpopylla</i> , <i>Racosperma harpophyllum</i>)	Gỗ Tràm	
6	<i>Acacia mangium</i> (<i>Acacia glaucescens</i> , <i>Acacia holosericea</i> , <i>Mangium montanum</i> , <i>Racosperma mangium</i>)	Gỗ Keo tai tượng	
7	<i>Acacia melanoxylon</i> (<i>Acacia arcuata</i> , <i>Acacia melanoxylum</i> , <i>Mimosa melanoxylon</i> , <i>Racosperma melanoxylon</i>)	Gỗ Keo đen	
8	<i>Acacia</i> sp.	Gỗ Tràm bông vàng	
9	<i>Acacia</i> spp.	Gỗ Tràm (Keo)	
10	<i>Acer macrophyllum</i> (<i>Acer auritum</i> , <i>Acer dactylophyllum</i> , <i>Acer flabellatum</i> , <i>Acer hemionitis</i>)	Gỗ Phong (Thích)	
11	<i>Acer platanoides</i> (<i>Acer dieckii</i> , <i>Acer fallax</i> , <i>Acer laciniatum</i> , <i>Acer lactescens</i>)	Gỗ Thích	
12	<i>Acer pseudoplatanus</i> (<i>Acer abchasicum</i> , <i>Acer atropurpureum</i> , <i>Acer bohemicum</i> , <i>Acer dittrichii</i>)	Gỗ Sycamore	Không có tên Việt Nam thường gọi
13	<i>Acer rubrum</i>	Gỗ Thích	
14	<i>Acer saccharinum</i> (<i>Acer coccineum</i> , <i>Acer dasycarpum</i> , <i>Acer eriocarpum</i>)	Gỗ Thích	
15	<i>Acer saccharum</i> (<i>Acer hispidum</i> , <i>Acer palmifolium</i> , <i>Acer saccharophorum</i>)	Gỗ Thích	
16	<i>Acer</i> sp.	Gỗ Phong	

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam thường gọi	Ghi chú
17	<i>Acer</i> spp.	Gỗ Dẻ gai	
18	<i>Adina polycephala</i>	Gỗ Gáo	
19	<i>Adina sessilifolia</i> (<i>Adina thanhhoaensis</i> , <i>Nauclea dongnaiensis</i> , <i>Nauclea ovalifolia</i> , <i>Nauclea sericea</i> , <i>Neonauclea sessilifolia</i>)	Gỗ Gáo vàng	
20	<i>Afzelia africana</i> (<i>Pahudia africana</i>)	Gỗ Gõ	
21	<i>Afzelia bella</i>	Gỗ Gõ	
22	<i>Afzelia bipindensis</i> (<i>Afzelia bella sensu</i> , <i>Afzelia caudata</i> , <i>Pahudia bequaertii</i>)	Gỗ Gõ	
23	<i>Afzelia pachyloba</i> (<i>Afzelia brieyi</i> , <i>Afzelia zenkeri</i> , <i>Pahudia brieyi</i>)	Gỗ Gõ	
24	<i>Afzelia quanzensis</i> (<i>Afzelia cuanzensis</i>)	Gỗ Gõ	
25	<i>Afzelia</i> sp.	Gỗ Gõ	
26	<i>Afzelia</i> spp.	Gỗ Gõ	
27	<i>Afzelia xylocarpa</i> (<i>Afzelia cochinchinensis</i> , <i>Afzelia siamica</i> , <i>Pahudia cochinchinensis</i> , <i>Pahudia xylocarpa</i>)	Gỗ Cà te (Gỗ đỏ)	
28	<i>Agathis alba</i> (<i>Dammara alba</i>)	Gỗ Agathis	Không có tên Việt Nam thường gọi
29	<i>Agathis australis</i> (<i>Dammara australis</i> , <i>Dammara purpurascens</i> , <i>Salisburyodendron australis</i>)	Gỗ Thông	
30	<i>Agathis</i> spp.	Gỗ Agathis	Không có tên Việt Nam thường gọi
31	<i>Aglaia cucullata</i> (<i>Aglaia tripetala</i> , <i>Amoora aherniana</i> , <i>Andersonia cucullata</i> , <i>Aphanamixis cucullata</i> , <i>Buchanania paniculata</i>)	Gỗ Ngâu tàu (Gội)	
32	<i>Aglaia leptantha</i> (<i>Aglaia annamensis</i> , <i>Aglaia gamopetala</i> , <i>Aglaia glabriflora</i> , <i>Aglaia laevigata</i>)	Gỗ Gội	
33	<i>Aglaia</i> sp.	Gỗ Gội (Gội tẻ)	
34	<i>Aglaia spectabilis</i> (<i>Aglaia gigantea</i> , <i>Aglaia hiernii</i> , <i>Aglaia ridleyi</i> , <i>Amoora gigantea</i> , <i>Aphanamixis wallichii</i>)	Gỗ Gội nếp	

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam thường gọi	Ghi chú
35	<i>Aglaia</i> spp.	Gỗ Aglala	Không có tên Việt Nam thường gọi
36	<i>Alangium ridleii</i> (<i>Marlea costata</i>)	Gỗ Nang (Quảng)	
37	<i>Albizia ferruginea</i> (<i>Inga ferruginea</i> , <i>Inga malacophylla</i>)	Gỗ Iatanga	Không có tên Việt Nam thường gọi
38	<i>Albizia multiflora</i> (<i>Acacia multiflora</i> , <i>Albizia paucipinnata</i> , <i>Arthrosamanea</i> <i>multiflora</i> , <i>Cathormion multiflorum</i> , <i>Pithecellobium multiflorum</i>)	Gỗ Bản xe (Bồ kết)	
39	<i>Samanea saman</i> (<i>Albizia saman</i> , <i>Calliandra saman</i> , <i>Enterolobium</i> <i>saman</i> , <i>Feuillea saman</i> , <i>Inga saman</i>)	Gỗ Me tây	
40	<i>Alchorneopsis floribunda</i> (<i>Alchorneopsis trimera</i>)	Gỗ Bergman	Không có tên Việt Nam thường gọi
41	<i>Allocasuarina fraseriana</i> (<i>Casuarina</i> <i>fraseriana</i> , <i>Casuarina nana</i>)	Gỗ Sheoak	Không có tên Việt Nam thường gọi
42	<i>Allophylus cobbe</i> (<i>Pometia pinnata</i> , <i>Picrodendron arboreum</i>)	Gỗ Sâng	
43	<i>Allospondias lakonensis</i>	Gỗ Dầu	
44	<i>Allospondias</i> sp.	Gỗ Kusu	Không có tên Việt Nam thường gọi
45	<i>Alnus glutinosa</i> (<i>Alnus aurea</i> , <i>Alnus</i> <i>februaria</i> , <i>Alnus imperialis</i> , <i>Alnus</i> <i>nitens</i> , <i>Alnus suaveolens</i>)	Gỗ Tổng quán sủi	
46	<i>Alnus incana</i> (<i>Alnus alisoviana</i> , <i>Alnus</i> <i>alnus</i> , <i>Alnus argentata</i>)	Gỗ Trăn	
47	<i>Alnus rubra</i> (<i>Alnus incana</i> var. <i>rubra</i> , <i>Alnus oregana</i> , <i>Alnus rubra</i> var. <i>pinnatisecta</i>)	Gỗ Trăn	
48	<i>Alnus</i> sp.	Gỗ Trăn	
49	<i>Alnus</i> spp.	Gỗ Trăn	
50	<i>Alstonia scholaris</i> (<i>Echites scholaris</i>)	Gỗ Mò cua	
51	<i>Alstonia</i> spp.	Gỗ Alstoni	Không có tên Việt Nam thường gọi
52	<i>Amphimas pterocarpoides</i>	Gỗ Lati	Không có tên Việt Nam

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam thường gọi	Ghi chú
			thường gọi
53	<i>Anacardium excelsum</i>	Gỗ Điều	
54	<i>Anacardium occidentale</i> (<i>Anacardium rhinocarpus</i> , <i>Rhinocarpus excelsa</i>)	Gỗ Điều	
55	<i>Anadenanthera colubrina</i> (<i>Acacia colubrina</i> , <i>Mimosa colubrina</i> , <i>Piptadenia colubrina</i>)	Gỗ Curupau	Không có tên Việt Nam thường gọi
56	<i>Andira coriacea</i> (<i>Andira wachenheimi</i>)	Gỗ Cabbage	Không có tên Việt Nam thường gọi
57	<i>Andira inermis</i> (<i>Andira grandiflora</i> , <i>Andira jamaicensis</i> , <i>Geoffroea inermis</i> , <i>Vouacapoua inermis</i>)	Gỗ Vân dừa Nam Mỹ	
58	<i>Andira</i> spp.	Gỗ Kleinbl rode kabbe	Không có tên Việt Nam thường gọi
59	<i>Anisoptera costata</i> (<i>Anisoptera robusta</i> , <i>Anisoptera marginatoides</i> , <i>Anisoptera mindanensis</i>)	Gỗ Vên vên	
60	<i>Anisoptera scaphula</i> (<i>Anisoptera glabra</i>)	Gỗ Sao cát	
61	<i>Anisoptera</i> spp.	Gỗ Mersawa	Không có tên Việt Nam thường gọi
62	<i>Anisoptera thurifera</i> (<i>Anisoptera brunnea</i> , <i>Anisoptera calophylla</i> , <i>Anisoptera lanceolata</i>)	Gỗ Mersawa	Không có tên Việt Nam thường gọi
63	<i>Anogeissus acuminata</i> (<i>Anogeissus fischeri</i> , <i>Anogeissus harmandii</i> , <i>Anogeissus hirta</i>)	Gỗ Chò	
64	<i>Anopyxis klaineana</i> (<i>Anopyxis ealaensis</i> , <i>Anopyxis occidentalis</i> , <i>Macarisia klaineana</i>)	Gỗ Kokoti	Không có tên Việt Nam thường gọi
65	<i>Anthonothea fragrans</i> (<i>Macrolobium chrysophylloides</i> , <i>Macrolobium fragrans</i>)	Gỗ Anthonothea	Không có tên Việt Nam thường gọi
66	<i>Antiaris toxicaria</i> var. <i>africana</i> (<i>Antiaris kerstingii</i> , <i>Antiaris africana</i> , <i>Treculia affona</i>)	Gỗ Ako	Không có tên Việt Nam thường gọi
67	<i>Antrocaryon klaineianum</i> (<i>Antrocaryon soyauxii</i> , <i>Spondias</i>	Gỗ Onzabili	Không có tên Việt Nam

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam thường gọi	Ghi chú
	<i>soyauxii</i>)		thường gọi
68	<i>Aphanamixis polystachya</i> (<i>Aglaia aphanamixis</i> , <i>Aglaia beddomei</i> , <i>Aglaia cochinchinensis</i>)	Gỗ Taun	Không có tên Việt Nam thường gọi
69	<i>Apuleia leiocarpa</i> (<i>Apoleya leiocarpa</i> , <i>Apuleia praecox</i> , <i>Leptolobium leiocarpum</i>)	Gỗ Almendrillo	Không có tên Việt Nam thường gọi
70	<i>Aquilaria filaria</i> (<i>Aquilaria acuminata</i> , <i>Aquilaria tomentosa</i> , <i>Gyrinopsis acuminata</i> , <i>Pittosporum filarium</i>)	Gỗ Dó bầu	
71	<i>Aquilaria malaccensis</i> (<i>Agallochum malaccense</i> , <i>Aloexylum agallochum</i> , <i>Aquilaria agallochum</i> , <i>Aquilaria moluccensis</i>)	Gỗ Gió bầu	
72	<i>Araliopsis tabouensis</i> (<i>Vepris tabouensis</i>)	Gỗ Araliopsis	Không có tên Việt Nam thường gọi
73	<i>Araucaria angustifolia</i> (<i>Araucaria brasiliana</i> , <i>Araucaria brasiliensis</i> , <i>Araucaria dioica</i> , <i>Araucaria saviana</i>)	Gỗ Sến manilkara	Không có tên Việt Nam thường gọi
74	<i>Araucaria cunninghamii</i> (<i>Araucaria glauca</i> , <i>Eutacta cunninghamii</i> , <i>Eutassa cunninghamii</i>)	Gỗ Araucaria	Không có tên Việt Nam thường gọi
75	<i>Artocarpus aspenula</i> (<i>Araucaria brasiliana</i> , <i>Araucaria brasiliensis</i> , <i>Araucaria dioica</i>)	Gỗ Mít	
76	<i>Artocarpus heterophyllus</i> (<i>Artocarpus brasiliensis</i> , <i>Artocarpus maximus</i> , <i>Artocarpus nanca</i> , <i>Artocarpus philippensis</i>)	Gỗ Mít	
77	<i>Artocarpus integer</i> (<i>Artocarpus integrifolius</i> , <i>Radermachia integra</i> , <i>Saccus integer</i>)	Gỗ Mít	
78	<i>Artocarpus</i> spp.	Gỗ Kapiak	Không có tên Việt Nam thường gọi
79	<i>Artocarpus tonkinensis</i>	Gỗ Chay	

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam thường gọi	Ghi chú
80	<i>Aspidosperma desmanthum</i> (<i>Aspidosperma chiapense</i> , <i>Aspidosperma cruentum</i> , <i>Aspidosperma matudae</i> , <i>Macaglia desmantha</i>)	Gỗ KKP	Không có tên Việt Nam thường gọi
81	<i>Aspidosperma polyneuron</i> (<i>Aspidosperma dugandii</i> , <i>Aspidosperma peroba</i> , <i>Aspidosperma venosum</i>)	Gỗ Peroba	Không có tên Việt Nam thường gọi
82	<i>Aspidosperma</i> sp.	Gỗ Peroba	Không có tên Việt Nam thường gọi
83	<i>Aspidosperma</i> spp.	Gỗ Shibadan	Không có tên Việt Nam thường gọi
84	<i>Astronium graveolens</i> (<i>Astronium gracile</i> , <i>Astronium planchonianum</i> , <i>Astronium zongolicum</i>)	Gỗ Zorro	Không có tên Việt Nam thường gọi
85	<i>Astronium lecointei</i> (<i>Astronium lecointei</i> f. <i>tomentosum</i> , <i>Astronium lecointei</i> var. <i>tomentosum</i>)	Gỗ Cẩm lai	
86	<i>Aucoumea klaineana</i>	Gỗ Trám hồng	
87	<i>Autranella congolensis</i> (<i>Autranella boonei</i> , <i>Autranella le-testui</i> , <i>Mimusops boonei</i>)	Gỗ Mukulungu	Không có tên Việt Nam thường gọi
88	<i>Baccaurea ramiflora</i> (<i>Baccaurea cauliflora</i> , <i>Baccaurea pierardi</i> , <i>Baccaurea sapida</i> , <i>Gatnaia annamica</i> , <i>Pierardia sapida</i>)	Gỗ Dầu vàng	
89	<i>Bagassa guianensis</i> (<i>Bagassa sagotiana</i> , <i>Bagassa tiliifolia</i> , <i>Laurea tiliifolia</i> , <i>Piper tiliifolium</i>)	Gỗ Dổi	Không có tên Việt Nam thường gọi
90	<i>Baillonella toxisperma</i> (<i>Baillonella djave</i> , <i>Baillonella obovata</i> , <i>Baillonella pierriana</i> , <i>Mimusops djave</i> , <i>Mimusops obovata</i> , <i>Mimusops pierreana</i> , <i>Mimusops toxisperma</i>)	Gỗ Dầu	
91	<i>Beilschmiedia mannii</i> (<i>Afrodaphne mannii</i> , <i>Oreodaphne mannii</i> , <i>Tylostemon kamerunensis</i> , <i>Tylostemon</i>	Gỗ Kanda	Không có tên Việt Nam thường gọi

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam thường gọi	Ghi chú
	<i>mannii</i>)		
92	<i>Berchemia discolor</i> (<i>Adolia discolor</i> , <i>Araliorhamnus punctulata</i> , <i>Araliorhamnus vaginata</i> , <i>Phyllogeiton discolor</i>)	Gỗ Metacha	Không có tên Việt Nam thường gọi
93	<i>Berlinia auriculata</i>	Gỗ Dầu	
94	<i>Berlinia bracteosa</i> (<i>Berlinia bracteosa</i> , <i>Berlinia platycarpa</i> , <i>Macroberlinia bracteosa</i>)	Gỗ Ebiara	Không có tên Việt Nam thường gọi
95	<i>Berlinia confusa</i> (<i>Berlinia acuminata</i>)	Gỗ Pocouli	Không có tên Việt Nam thường gọi
96	<i>Berlinia congolensis</i> (<i>Berlinia heudelotiana</i>)	Gỗ Ebiarra Châu Phi	Không có tên Việt Nam thường gọi
97	<i>Berlinia grandiflora</i> (<i>Berlinia heudelotiana</i> , <i>Berlinia laurentii</i> , <i>Westia grandiflora</i>)	Gỗ Ebiara	Không có tên Việt Nam thường gọi
98	<i>Berlinia</i> spp.	Gỗ Ebiara	Không có tên Việt Nam thường gọi
99	<i>Betula alleghaniensis</i> (<i>Betula excelsa</i> , <i>Betula lutea</i> , <i>Betula persicifolia</i>)	Gỗ Phong vàng	
100	<i>Betula costata</i> (<i>Betula costata</i> , <i>Betula ermanii</i> , <i>Betula ulmifolia</i>)	Gỗ Phong	
101	<i>Betula dahurica</i> (<i>Betula dioica</i> , <i>Betula maackii</i> , <i>Betula maximowiczii</i> , <i>Betula wutaica</i>)	Gỗ Bạch dương	
102	<i>Betula nigra</i> (<i>Betula americana</i> , <i>Betula lanulosa</i> , <i>Betula rubra</i>)	Gỗ Bulô	Không có tên Việt Nam thường gọi
103	<i>Betula pendula</i> (<i>Betula verrucosa</i> , <i>Betula virgultosa</i> , <i>Betula aetnensis</i> , <i>Betula brachylepis</i> , <i>Betula cajanderi</i>)	Gỗ Bạch dương	
104	<i>Betula platyphylla</i> (<i>Betula ajanensis</i> , <i>Betula tauschii</i> , <i>Betula latifolia</i>)	Gỗ Bạch dương	
105	<i>Betula pubescens</i> (<i>Betula alba</i> , <i>Betula ambigua</i> , <i>Betula andreji</i> , <i>Betula asplenifolia</i>)	Gỗ Bạch dương	
106	<i>Betula</i> sp.	Gỗ Bạch dương	

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam thường gọi	Ghi chú
107	<i>Betula</i> spp.	Gỗ Bạch dương	
108	<i>Bikinia le-testui</i> (<i>Monopetalanthus le-testui</i> , <i>Bikinia le-testui</i> subsp. <i>le-testui</i>)	Gỗ Ekop mayo	Không có tên Việt Nam thường gọi
109	<i>Bobgunnia fistuloides</i> (<i>Swartzia fistuloides</i>)	Gỗ Trắc	
110	<i>Bobgunnia madagascariensis</i> (<i>Swartzia madagascariensis</i> , <i>Swartzia marginata</i> , <i>Swartzia sapini</i> , <i>Tounatea madagascariensis</i>)	Gỗ Đậu con rắn	
111	<i>Bocoa prouacensis</i> (<i>Swartzia prouacensis</i> , <i>Swartzia minutiflora</i>)	Gỗ Cẩm lai Nam Mỹ	
112	<i>Bocoa viridiflora</i> (<i>Swartzia viridiflora</i>)	Gỗ Bocoa	Không có tên Việt Nam thường gọi
113	<i>Brachystegia cynometroides</i>	Gỗ Ekop	Không có tên Việt Nam thường gọi
114	<i>Brachystegia eurycoma</i>	Gỗ Hương	
115	<i>Brachystegia kennedyi</i>	Gỗ Akolodo	Không có tên Việt Nam thường gọi
116	<i>Brachystegia laurentii</i> (<i>Macrolobium laurentii</i>)	Gỗ Bomanga	Không có tên Việt Nam thường gọi
117	<i>Brachystegia leonensis</i>	Gỗ Naga	Không có tên Việt Nam thường gọi
118	<i>Brachystegia mildbraedii</i> (<i>Brachystegia nzang</i> , <i>Cynometra pachycarpa</i>)	Gỗ Naga parallele	Không có tên Việt Nam thường gọi
119	<i>Brachystegia</i> spp.	Gỗ Eku	Không có tên Việt Nam thường gọi
120	<i>Bridelia micrantha</i> (<i>Bridelia abyssinica</i> , <i>Bridelia mildbraedii</i> , <i>Bridelia stenocarpa</i> , <i>Bridelia zanzibarensis</i>)	Gỗ Metacha	Không có tên Việt Nam thường gọi
121	<i>Brosimum alicastrum</i> (<i>Alicastrum brownei</i> , <i>Brosimum conzattii</i> , <i>Brosimum gentlei</i> , <i>Brosimum terrabanum</i>)	Gỗ Berba	Không có tên Việt Nam thường gọi

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam thường gọi	Ghi chú
122	<i>Brosimum rubescens</i> (<i>Alicastrum brownei</i> , <i>Brosimum conzattii</i> , <i>Brosimum gentlei</i> , <i>Brosimum terrabanum</i>)	Gỗ Palisangre	Không có tên Việt Nam thường gọi
123	<i>Buchenavia</i> sp.	Gỗ Sao đen Nam Mỹ	
124	<i>Terminalia tetraphylla</i> (<i>Buchenavia tetraphylla</i> , <i>Buchenavia capitata</i> , <i>Buchenavia ptariensis</i> , <i>Buchenavia vaupesana</i> , <i>Bucida angustifolia</i> , <i>Lithocardium tetraphyllum</i> , <i>Terminalia hilariana</i>)	Gỗ Bàng bốn lá	
125	<i>Bulnesia arborea</i> (<i>Guaiacum arboreum</i> , <i>Zygophyllum arboreum</i>)	Gỗ Đàng xanh	
126	<i>Bulnesia sarmientoi</i>	Gỗ Bách xanh	
127	<i>Burckella obovata</i> (<i>Bassia bawun</i> , <i>Bassia cocco</i> , <i>Bassia erskineana</i> , <i>Bassia hollrungii</i> , <i>Bassia kajewskii</i>)	Gỗ Burkelia	Không có tên Việt Nam thường gọi
128	<i>Burckella</i> sp.	Gỗ Burkelia	Không có tên Việt Nam thường gọi
129	<i>Burckella</i> spp.	Gỗ Burkella	Không có tên Việt Nam thường gọi
130	<i>Burretiodendron hsienmu</i> (<i>Burretiodendron tonkinense</i> , <i>Excentrodendron hsienmu</i> , <i>Parapentace tonkinensis</i> , <i>Pentace tonkinensis</i> , <i>Excentrodendron tonkinense</i>)	Gỗ Nghiến	
131	<i>Caesalpinia paraguariensis</i> (<i>Acacia paraguariensis</i> , <i>Acacia paraguariensis</i> , <i>Caesalpinia melanocarpa</i>)	Gỗ Xanh	
132	<i>Callophyllum inophyllum</i>	Gỗ Mù u	
133	<i>Callophyllum saigonensis</i>	Gỗ Công tía	
134	<i>Callophyllum</i> sp.	Gỗ Công chim	
135	<i>Calocedrus formosana</i>	Gỗ OPC	Không có tên Việt Nam thường gọi
136	<i>Calophyllum brasiliense</i>	Gỗ Jacareuba	Không có tên Việt Nam

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam thường gọi	Ghi chú
			thường gọi
137	<i>Calophyllum dryobalanoides</i>	Gỗ Công trắng	
138	<i>Calophyllum inophyllum</i>	Gỗ Beach	Không có tên Việt Nam thường gọi
139	<i>Calophyllum</i> sp.	Gỗ CAL	Không có tên Việt Nam thường gọi
140	<i>Calophyllum</i> spp.	Gỗ Mù u	
141	<i>Calpocalyx aubrevillei</i>	Gỗ Badio	Không có tên Việt Nam thường gọi
142	<i>Canarium album</i> (<i>Canarium album</i> , <i>Canarium album</i> , <i>Canarium</i> <i>tonkinense</i> , <i>Hearnia balansae</i> , <i>Pimela</i> <i>alba</i>)	Gỗ Trám trắng	
143	<i>Canarium indicum</i> (<i>Canarium</i> <i>amboinense</i> , <i>Canarium commune</i> , <i>Canarium grandistipulatum</i> , <i>Canarium mehenbethene</i> , <i>Canarium</i> <i>moluccanum</i>)	Gỗ Car	Không có tên Việt Nam thường gọi
144	<i>Canarium schweinfurtii</i> (<i>Canarium</i> <i>occidentale</i> , <i>Canarium thollonianum</i>)	Gỗ Aiele	Không có tên Việt Nam thường gọi
145	<i>Canarium</i> sp.	Gỗ Cà na	
146	<i>Canarium</i> spp.	Gỗ Kedondong	Không có tên Việt Nam thường gọi
147	<i>Carallia</i> sp.	Gỗ Săng vì	
148	<i>Careya sphaerica</i> (<i>Careya arborea</i> , <i>Barringtonia arborea</i> , <i>Careya</i> <i>orbiculata</i> , <i>Careya venenata</i> , <i>Cumbia</i> <i>coneanae</i>)	Gỗ Vùng	
149	<i>Cariniana domestica</i> (<i>Couratari</i> <i>domestica</i>)	Gỗ Misa	Không có tên Việt Nam thường gọi
150	<i>Cariniana</i> spp.	Gỗ Cruzeta	Không có tên Việt Nam thường gọi
151	<i>Carpinus betulus</i> (<i>Carpinus</i> <i>carpinizza</i> , <i>Carpinus caucasica</i> , <i>Carpinus compressus</i> , <i>Carpinus</i>	Gỗ Trăn	